



Tạp chí Khoa học và Kinh tế Phát triển  
Trường Đại học Nam Cần Thơ

Website: [jsde.nctu.edu.vn](http://jsde.nctu.edu.vn)



## Các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn sàng giao tiếp của sinh viên không chuyên ngữ trong các lớp học tiếng Anh tại Trường Đại học Nam Cần Thơ

Lâm Thị Mỹ Duyên<sup>1</sup>, Lê Thị Diễm Lan<sup>1\*</sup>, Lương Tú Ngân<sup>1</sup>, Lê Thị Thái Trân<sup>1</sup>, Nguyễn Thy Cẩm<sup>1</sup>, Nguyễn Trung Kiên<sup>1</sup>, Tô Mỹ Hoa<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Nam Cần Thơ

\*Người chịu trách nhiệm bài viết: Lê Thị Diễm Lan (email: [ltvlan@nctu.edu.vn](mailto:ltvlan@nctu.edu.vn))

Ngày nhận bài: 20/8/2023

Ngày phản biện: 15/9/2023

Ngày duyệt đăng: 5/11/2023

**Title:** Factors affecting the communication readiness of non-language major students in English classes at Nam Can Tho University

**Keywords:** affect, communication, english, factor

**Từ khóa:** ảnh hưởng, giao tiếp, tiếng anh, yếu tố

### ABSTRACT

*Willingness to communicate is a characteristic that reflects a person's tendency to engage in communication when given the opportunity. It has become an important concept in understanding second language acquisition. Given its significance in learning English, this study aimed to investigate the level of communication readiness among non-language major students in English classes and identify the factors that influence their willingness to communicate. A survey questionnaire was distributed to collect quantitative data, with a total of 112 third-year non-language majors participating in the study. The results showed that the level of communication readiness among non-language major students in English classes was only average, and their communication readiness was strongly influenced by both personal and context factors.*

### TÓM TẮT

*Sự sẵn sàng giao tiếp được coi là một đặc điểm thể hiện xu hướng tham gia giao tiếp của một người khi có cơ hội. Nó đã dần dần phát triển như một khái niệm quan trọng để hiểu sâu hơn về đào tạo ngôn ngữ thứ hai. Với vai trò quan trọng của sự sẵn sàng giao tiếp trong việc học tiếng Anh, nghiên cứu này có mục đích khảo sát mức độ sẵn sàng giao tiếp của sinh viên không chuyên ngữ trong các lớp học tiếng Anh và xem xét những yếu tố nào ảnh hưởng đến sự sẵn sàng giao tiếp của họ. Các bảng câu hỏi khảo sát được phát để thu thập dữ liệu định lượng cho nghiên cứu. Tổng cộng có 112 sinh viên năm thứ ba không chuyên ngữ đã*

*tham gia nghiên cứu. Kết quả cho thấy mức độ sẵn sàng giao tiếp của sinh viên không chuyên ngữ trong các lớp học tiếng Anh chỉ ở mức trung bình và khả năng sẵn sàng giao tiếp của họ bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi cả yếu tố cá nhân và yếu tố ngữ cảnh.*

## 1. GIỚI THIỆU

Mục tiêu chính của các lĩnh vực liên quan đến tiếp thu ngôn ngữ thứ hai và nghiên cứu ngoại ngữ là nhằm mục đích mở ra các kênh cho người học ngôn ngữ, chủ yếu là giao tiếp bằng ngôn ngữ đích. Các phương pháp và cách tiếp cận được sử dụng trong ngữ cảnh học ngoại ngữ tập trung vào mục tiêu giao tiếp của việc học một ngôn ngữ (Brown, 2007; Larsen-Freeman, 2000; Richards & Rodgers, 2002) [3],[9],[20], nơi mà mục tiêu đào tạo ngôn ngữ phù hợp với thực tế sử dụng ngôn ngữ đích nhiều hơn, đó là sự sẵn sàng giao tiếp. Các nhà nghiên cứu đã chỉ ra rằng trong khi những người học với kỹ năng ngôn ngữ còn hạn chế thì vẫn có thể nói tiếng Anh liên tục, nhưng năng lực ngôn ngữ của họ vẫn cho thấy họ là những người nói tiếng Anh chưa thật sự tốt, vẫn còn do dự. Tuy nhiên, trình độ thông thạo ngôn ngữ không đảm bảo rằng người học sẽ thành công như nhau trong khi phát triển kỹ năng nói tiếng Anh. Do đó, bất kể mục tiêu của việc tiếp thu ngôn ngữ là gì, MacIntyre và Charos (1996) [11] cho rằng cần có khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ đích khi thực hiện những hoạt động như gặp gỡ những người mới, đi du lịch, trải nghiệm các nền văn hóa khác nhau, hoặc sử dụng ngôn ngữ ở nơi làm việc. Bằng cách này, sự sẵn sàng giao tiếp được xem như một công cụ để đạt được các mục tiêu giữa các cá nhân và liên văn hóa, cũng như một lĩnh vực chuyên biệt để học ngôn ngữ thứ hai và các ngoại ngữ khác. Như MacIntyre (1994) [10] đã giải thích, mặc dù sự sẵn sàng giao tiếp xảy ra trong việc tiếp thu ngôn ngữ thứ

nhất, nhưng những tác động của nó vẫn có thể được ứng dụng trong việc giải thích sự sẵn sàng giao tiếp trong quá trình học ngoại ngữ và ngôn ngữ thứ hai. Theo McCroskey (1997) [15], sự sẵn sàng giao tiếp được mô tả là “xu hướng bắt đầu giao tiếp của một người với người khác”. Về mặt dạy và học ngôn ngữ, nghiên cứu đã chỉ ra rằng sự sẵn sàng giao tiếp trong ngôn ngữ thứ hai bị ảnh hưởng bởi cả tính cách của người học và các yếu tố ngữ cảnh (MacIntyre et al., 1998) [13]. Mặc dù người học có ít quyền kiểm soát đối với các yếu tố phần lớn cố định này, tuy nhiên các nhà giáo dục vẫn có thể hỗ trợ người học sử dụng ngôn ngữ thứ hai, bởi vì họ có quyền kiểm soát các yếu tố thuộc về ngữ cảnh học tập. Điều này là do sự sẵn sàng giao tiếp ngôn ngữ thứ hai được cho là chỉ phụ thuộc một phần vào những đặc điểm tính cách của người học.

Nghiên cứu hiện tại nhằm mục đích điều tra các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn sàng giao tiếp của sinh viên không chuyên ngữ trong các lớp học tiếng Anh tại Đại học Nam Cần Thơ. Cụ thể hơn, nghiên cứu này cố gắng khám phá mức độ sẵn sàng giao tiếp của sinh viên không chuyên ngữ và sau đó xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn sàng giao tiếp của họ trong các lớp học tiếng Anh. Để đạt được những mục tiêu này, nghiên cứu này nhằm giải quyết các câu hỏi nghiên cứu sau đây.

- Sinh viên không chuyên ngữ có mức độ sẵn sàng giao tiếp trong các lớp học tiếng Anh như thế nào?

- Những yếu tố nào ảnh hưởng đến sự sẵn sàng giao tiếp của sinh viên không chuyên ngữ trong các lớp học tiếng Anh?

### **1.1 Sự sẵn sàng giao tiếp**

MacIntyre và cộng sự. (1998) [13] đã định nghĩa sự sẵn sàng giao tiếp ngôn ngữ thứ hai là “sự sẵn sàng tham gia giao tiếp vào một thời điểm cụ thể với một hoặc nhiều người cụ thể, sử dụng ngôn ngữ thứ hai”. Trong khi đó, Kang (2005) đã giải thích sự sẵn sàng giao tiếp đề cập đến hành vi và thiên hướng của một cá nhân đối với các hành vi giao tiếp tích cực trong một số môi trường nhất định, có thể khác nhau tùy theo chủ đề, loại nhiệm vụ, người đối thoại và các yếu tố ngữ cảnh tiềm ẩn khác. Theo Andreou, Vlachos và Andreou (2006) [1], các biến số riêng lẻ như xu hướng giao tiếp của một người có tác động đến khả năng tiếp thu và mức độ sử dụng ngôn ngữ của người đó. Khi có cơ hội, sự sẵn sàng giao tiếp là xu hướng bắt đầu cuộc trò chuyện. Các nghiên cứu trước đây đã chứng minh mối tương quan thuận giữa sự sẵn sàng giao tiếp và thành công trong việc học ngôn ngữ thứ hai (Baghaei et al., 2012; Clément et al., 2003; Yashima, 2002) [2],[5],[22]. Sự sẵn sàng giao tiếp được coi là một công cụ dự báo tuyệt vời về tần suất giao tiếp. MacIntyre và cộng sự (1998) [13] cho rằng sự sẵn sàng giao tiếp là sự sẵn sàng tham gia vào cuộc trò chuyện tại một thời điểm cụ thể với một hoặc nhiều người cụ thể, sử dụng ngôn ngữ thứ hai và được cho là có liên quan đến các yếu tố như tính cách và động lực của sinh viên, cũng như các yếu tố xã hội.

### **1.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn sàng giao tiếp**

#### *1.2.1 Các đặc điểm cá nhân*

Tự tin trong giao tiếp tiếng Anh: Sự thiếu tự tin của sinh viên có thể là do họ chưa đánh giá đúng về năng lực giao tiếp tiếng Anh của họ và

có mức độ sợ hãi cao khi nói tiếng Anh. Theo Clément et al. (2003) [5], mức độ tự tin cao ở ngôn ngữ thứ hai là một dấu hiệu cho thấy người học có sự thuận lợi về kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ thứ hai và ít lo sợ khi sử dụng chúng. Vì vậy, khi sinh viên có mức độ tự tin thấp khi nói tiếng Anh, đó có thể là dấu hiệu cho thấy các em nhìn nhận chưa đúng về năng lực tiếng Anh của mình cũng như có mức độ lo lắng cao khi nói tiếng Anh.

Sự lo lắng trong việc học ngoại ngữ: Steinberg và Horwitz (1986) [21] cho rằng sự lo lắng trong học tập có thể có tác động lớn đến cách sinh viên giao tiếp cả trong và ngoài lớp học. MacIntyre et al. (1997) [14] đã chỉ ra rằng những sinh viên có mức độ lo lắng cao hơn có xu hướng đánh giá thấp khả năng ngôn ngữ của họ, trong khi những học sinh cảm thấy thoải mái sẽ đánh giá quá cao khả năng đó. Bên cạnh những đặc điểm cá nhân, bầu không khí giữa các nhóm và ngữ cảnh được xem là các yếu tố ảnh hưởng sự sẵn sàng giao tiếp, thì mô hình sẵn sàng giao tiếp được phát triển bởi MacIntyre và cộng sự (1998) [13] cũng bao gồm mức độ lo lắng thấp hơn, nhận thức về năng lực cao hơn và mong muốn được nói chuyện với một người cụ thể tại một thời điểm cụ thể.

#### *1.2.2 Các yếu tố ngữ cảnh*

*Loại nhiệm vụ:*

Loại nhiệm vụ đã được chứng minh là có ảnh hưởng đến mức độ sẵn sàng giao tiếp của sinh viên. Loại nhiệm vụ, mức độ khó và lượng thời gian đều có tác động đến sự sẵn sàng giao tiếp tiếng Anh của sinh viên (Pattapong, 2010) [18]. Sự tương tác được tạo ra bởi các nhiệm vụ có thể cung cấp cho sinh viên sự kiểm soát đối với việc hình thành những tương tác cần thiết để hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ của họ. Ví dụ như các hoạt động điền thông tin vào chỗ trống

mang đến cho người học cơ hội trải nghiệm giải quyết các vấn đề tương tác mà họ gặp phải khi hoàn thành nhiệm vụ (Pica et al., 2009) [19], điều này có thể làm tăng sự tự tin và sẵn sàng giao tiếp ngoại ngữ của người học. Tuy nhiên, lưu ý rằng quá nhiều vấn đề tương tác có thể khiến người học cảm thấy kém hiệu quả và thất bại, điều này có thể tác động tiêu cực đến sự tự tin và động lực giao tiếp bằng ngoại ngữ của người học.

*Chủ đề thảo luận:*

Nếu sinh viên được thảo luận những chủ đề quen thuộc, họ sẽ sẵn sàng tương tác với bạn bè hơn và tăng cơ hội thực hành. Sự quen thuộc và hứng thú với chủ đề là những yếu tố quan trọng có thể làm tăng sự sẵn sàng giao tiếp của sinh viên và nâng cao sự tự tin về ngôn ngữ của họ (MacIntyre và cộng sự, 1998) [13]. Kang (2005) [8] đã quan sát thấy rằng sinh viên có thể cảm thấy ít thoải mái hơn khi nói về một chủ đề mà họ không quen thuộc do thiếu ý tưởng. Thêm vào đó, một chủ đề có thể làm tăng mức độ hứng thú của sinh viên nếu họ có đủ kiến thức nền tảng và năng lực.

*Người đối thoại:*

Giới tính: Nhận thức của sinh viên về người đối thoại trong quá trình giao tiếp ngôn ngữ thứ hai có thể ảnh hưởng đáng kể đến cách họ tương tác với người khác (Morris & Tarone, 2003) [16]. Sự bối rối do mắc lỗi trước một người đối thoại khác giới khiến người nói phải xem xét lại mức độ đúng đắn của việc giao tiếp của mình. Theo Jamshinejad (2010) [7], khi nói chuyện với người khác giới, mọi người cảm thấy cần phải tập trung hơn để thể hiện trình độ của mình. Mức độ thân thiết với người đối thoại: Một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sự sẵn sàng giao tiếp của sinh viên là mức độ thân thiết với người đối thoại (Bukhari và

cộng sự, 2015) [4]. Sinh viên có xu hướng giao tiếp với người mà họ quen hơn và do đó cảm thấy thoải mái hơn. Sự tham gia của người đối thoại, đặc biệt là trong tiếp xúc song phương, được coi là yếu tố quan trọng trong việc hình thành sự sẵn sàng giao tiếp.

## **2. PHƯƠNG TIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP**

### **2.1 Phương tiện nghiên cứu**

Bảng câu hỏi được điều chỉnh từ bảng câu hỏi của MacIntyre và cộng sự. (2001) và Pattapong (2010) [12],[18] là công cụ chính được sử dụng cho nghiên cứu này. Bảng câu hỏi được chia thành ba phần. Phần một nhằm mục đích thu thập dữ liệu về thông tin cơ bản của người tham gia. Phần hai bao gồm 10 câu hỏi tập trung vào việc kiểm tra mức độ sẵn sàng giao tiếp của sinh viên không chuyên tiếng Anh, và phần ba gồm 17 câu hỏi nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn sàng giao tiếp của sinh viên trong các lớp học tiếng Anh. 10 câu hỏi trong phần hai được trình bày theo thang đo Likert 5 mức độ (tức là 1=không bao giờ, 2=hiếm khi, 3=thỉnh thoảng, 4=thường xuyên và 5=luôn luôn). 22 câu hỏi còn lại trong phần ba được phân thành hai nhóm, gồm đặc điểm cá nhân (7 câu hỏi) và các biến số thuộc về ngữ cảnh (10 câu hỏi). Các câu hỏi này cũng được trình bày theo thang Likert 5 mức độ (tức là 1=rất không đồng ý, 2=không đồng ý, 3=trung lập, 4=đồng ý và 5=rất đồng ý).

### **2.2 Đối tượng nghiên cứu**

Những người tham gia bao gồm 112 sinh viên năm thứ ba không thuộc chuyên ngành tiếng Anh tại Đại học Nam Cần Thơ, gồm nam và nữ lần lượt là 65 (58%) và 47 (42%), độ tuổi trung bình là 20. Họ có ít nhất 10 năm kinh nghiệm học tiếng Anh và tất cả đều đã hoàn thành ba khóa học tiếng Anh tổng quát trong chương trình đại học của họ.

### 2.3 Thiết kế nghiên cứu

Một phương pháp nghiên cứu định lượng đã được sử dụng trong nghiên cứu mô tả này. Kết quả thu được thông qua phương pháp này có thể được khái quát hóa cho toàn bộ quần thể qua việc điều tra trực tiếp các mẫu nghiên cứu (Eyisi, 2016) [6]. Bằng cách tiếp cận định lượng, một bảng câu hỏi gồm 27 biến quan sát được sử dụng để đánh giá mức độ nhận thức về sự sẵn sàng giao tiếp của sinh viên không chuyên ngữ và để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn sàng giao tiếp của họ trong các lớp học tiếng Anh.

### 2.4 Phương pháp phân tích dữ liệu

Dữ liệu định lượng được phân tích bằng cách sử dụng IBM SPSS, phiên bản 20. Để cung cấp kết quả định lượng liên quan đến các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn sàng giao tiếp của sinh viên không chuyên ngữ trong các lớp học tiếng Anh, phương pháp phân tích thống kê mô tả, kiểm định t một mẫu đã được sử dụng. Ngoài ra, kiểm định t mẫu bắt cặp được thực hiện để kiểm tra xem liệu có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống

kê giữa hai nhóm yếu tố ảnh hưởng đang được điều tra. Ngoài ra, để xác định dữ liệu được phân tích là cao hay thấp trong khoảng từ 1 đến 5, các nhà nghiên cứu đã dựa vào thang đo của Oxford (1990) [17] (Bảng 1).

**Bảng 1. Giải thích giá trị trung bình**

| Mức độ     | Giá trị trung bình |
|------------|--------------------|
| Rất cao    | 4,5 to 5,0         |
| Cao        | 3,5 to 4,4         |
| Trung bình | 2,5 to 3,4         |
| Thấp       | 1,0 to 2,4         |

Nguồn: Oxford (1990) [17]

## 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1 Mức độ sẵn sàng giao tiếp của sinh viên không chuyên ngữ trong các lớp học tiếng Anh

Thống kê mô tả đã được thực hiện để kiểm tra giá trị trung bình tổng thể về nhận thức của người tham gia về sự sẵn sàng giao tiếp của họ trong các lớp học tiếng Anh. Kết quả được thể hiện ở Bảng 2.

**Bảng 2. Nhận thức của sinh viên không chuyên ngữ về sự sẵn sàng giao tiếp của họ trong các lớp học tiếng Anh**

|        | Cỡ mẫu | Giá trị nhỏ nhất | Giá trị lớn nhất | Trung bình (M) | Độ lệch chuẩn (SD) |
|--------|--------|------------------|------------------|----------------|--------------------|
| Mức độ | 112    | 1,00             | 4,00             | 2,97           | 0,57               |

Kết quả chỉ ra rằng giá trị trung bình chung về mức độ sẵn sàng giao tiếp của người tham gia trong các lớp học là 2,97 (M=2,97, SD=0,57). So sánh giá trị trung bình và giá trị kiểm tra 3,5, cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các giá trị này ( $t=-11,81$ ,  $df=111$ ,  $p<0,001$ ). Khi so

sánh giá trị trung bình và giá trị kiểm tra 2,4, kết quả cũng cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa chúng ( $t=10,59$ ,  $df=111$ ,  $p<0,001$ ). Có thể kết luận rằng sự sẵn sàng giao tiếp của sinh viên không chuyên ngữ trong các lớp học tiếng Anh chỉ ở mức trung bình.

**Bảng 3. Nhận thức của sinh viên không chuyên ngữ về các khía cạnh cụ thể của sự sẵn sàng giao tiếp**

|  | Cỡ mẫu | Trung bình (M) | Không bao giờ | Hiếm khi | Thỉnh thoảng % | Thường xuyên | Luôn luôn |
|--|--------|----------------|---------------|----------|----------------|--------------|-----------|
| 1. Tôi giơ tay để trả lời hoặc đặt câu hỏi trong lớp ít nhất hai lần mỗi tiết học      | 112    | 2,96           | 5,36          | 16,07    | 48,21          | 22,32        | 8,04      |
| 2. Tôi không sợ bị gọi trả lời bất kỳ câu hỏi nào dù dễ hay khó                        | 112    | 3,06           | 6,25          | 15,18    | 33,04          | 33,93        | 11,61     |
| 3. Tôi tự tin nói chuyện trước mặt người khác  | 112    | 2,68           | 18,75         | 15,18    | 33,93          | 20,54        | 11,61     |
| 4. Tôi sẵn sàng chia sẻ ý tưởng với người khác   | 112    | 2,99           | 7,14          | 16,07    | 34,82          | 29,46        | 12,50     |
| 5. Tôi sẵn sàng sử dụng ngôn ngữ cơ thể và nét mặt để giao tiếp với người khác         | 112    | 2,97           | 8,04          | 14,29    | 33,04          | 27,68        | 16,96     |
| 6. Tôi không phân biệt giới tính khi giao tiếp   | 112    | 3,11           | 7,14          | 8,04     | 20,54          | 33,04        | 31,25     |
| 7. Tôi tôn trọng ý kiến của người giao tiếp  | 112    | 3,26           | 1,79          | 5,36     | 22,32          | 34,82        | 35,71     |
| 8. Tôi sẵn sàng đưa ra phản hồi cho người giao tiếp và ngược lại                       | 112    | 3,07           | 4,46          | 3,57     | 25,89          | 28,57        | 28,57     |
| 9. Tôi sẵn sàng tham gia cuộc thi nói tiếng Anh với các bạn cùng lớp                   | 112    | 2,65           | 17,86         | 22,32    | 26,79          | 23,21        | 9,82      |
| 10. Tôi không cảm thấy lúng túng khi mọi người đặt câu hỏi về bài thuyết trình của tôi | 112    | 2,92           | 11,61         | 15,18    | 30,36          | 30,36        | 12,50     |

Một cuộc kiểm tra chung từ Bảng 3 cho thấy rằng 48,21% sinh viên cho biết đôi khi họ giơ tay trả lời hoặc đặt câu hỏi trong lớp ít nhất hai lần mỗi tiết học và chỉ 8% cho biết họ sẵn sàng làm điều này (M=2,96). Khoảng 35% số người

tham gia cho rằng đôi khi họ sẵn sàng chia sẻ ý tưởng với người khác (M=2,99) và sẵn sàng sử dụng ngôn ngữ cơ thể và nét mặt để giao tiếp với người khác (M=2,97), với tỷ lệ thấp trong số họ thường hoặc luôn nhận thức được việc

thực hiện những hoạt động đó. Tương tự, chỉ khoảng 35% sinh viên nhận thấy rằng đôi khi họ nói chuyện một cách tự tin trước mặt người khác (M=2,68) và đôi khi không sợ bị gọi trả lời câu hỏi bất kể mức độ khó (M=3,06). Tỷ lệ trả lời “thường xuyên” và “luôn luôn” đối với các khía cạnh liên quan đến sự sẵn sàng giao tiếp này cũng thấp, ngoại trừ 33,93% trả lời rằng họ thường sẵn sàng trả lời bất kỳ câu hỏi nào nếu được gọi trong lớp. Đáng chú ý, khoảng 30% số người được khảo sát cho biết đôi khi họ không cảm thấy lúng túng khi mọi người đặt câu hỏi về bài thuyết trình của họ (M=2,92) và đôi khi

sẵn sàng đưa ra phản hồi và ngược lại (M=3,07). Tỷ lệ phần trăm tương tự được ghi nhận cho các phản hồi “Thường xuyên” đối với các khía cạnh liên quan đến sự sẵn sàng giao tiếp này so với các giá trị “đôi khi”.

### 3.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn sàng giao tiếp của sinh viên không chuyên ngữ trong lớp học tiếng Anh

Kết quả kiểm tra giá trị trung bình nhận thức của sinh viên không chuyên ngữ về các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn sàng giao tiếp của họ trong các lớp học tiếng Anh được trình bày trong Bảng 4.

**Bảng 4. Nhận thức của sinh viên không chuyên ngữ về các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn sàng giao tiếp của họ trong các lớp học tiếng Anh**

| Yếu tố               | Cỡ mẫu | Giá trị nhỏ nhất | Giá trị lớn nhất | Trung bình (M) | Độ lệch chuẩn (SD) |
|----------------------|--------|------------------|------------------|----------------|--------------------|
| Các yếu tố ảnh hưởng | 112    | 1,00             | 5,00             | 3,75           | 0,73               |
| Đặc điểm tính cách   | 112    | 1,00             | 5,00             | 3,71           | 0,75               |
| Các yếu tố ngữ cảnh  | 112    | 1,00             | 5,00             | 3,77           | 0,75               |

Như có thể thấy trong Bảng 4, giá trị trung bình về nhận thức của người học đối với các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn sàng giao tiếp của họ trong các lớp học tiếng Anh là 3,75, giá trị trung bình được chấp nhận cho trình độ cao. So sánh giá trị trung bình và giá trị kiểm tra 3,4 và 4,5, kết quả cho thấy giá trị trung bình khác biệt có ý nghĩa thống kê với 3,4 ( $t=5,09$ ,  $df=111$ ,  $p<0,001$ ) và với 4,5 ( $t=-10,95$ ,  $df=111$ ,  $p<0,001$ ). Điều này có thể suy ra rằng các yếu tố được quan sát đều có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự sẵn sàng giao tiếp của các sinh viên không chuyên ngữ trong các lớp học tiếng Anh. So sánh mức độ ảnh hưởng của hai nhóm yếu tố, cụ thể là đặc điểm cá nhân và

các yếu tố ngữ cảnh, kết quả cho thấy rằng sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ( $t=-1,421$ ,  $df=111$ ,  $p=0,158$ ). Do đó, có thể kết luận rằng các đặc điểm cá nhân và các yếu tố ngữ cảnh được cho là có cùng mức độ ảnh hưởng cao đến sự sẵn sàng giao tiếp của sinh viên không chuyên tiếng Anh.

#### 3.2.1 Nhận thức của sinh viên không chuyên ngữ về tác động của 'Đặc điểm cá nhân' đối với sự sẵn sàng giao tiếp của họ trong các lớp học tiếng Anh.

Giá trị trung bình của mỗi câu hỏi thuộc hai nhóm đặc điểm cá nhân được trình bày mô tả trong Bảng 4 và Bảng 5.

**Bảng 5. Nhận thức của sinh viên không chuyên ngữ về yếu tố “tự tin trong giao tiếp tiếng Anh”**

|  | Cỡ mẫu | Giá trị nhỏ nhất | Giá trị lớn nhất | Trung bình (M) | Độ lệch chuẩn (SD) |
|--|--------|------------------|------------------|----------------|--------------------|
| 11. Tôi không tự tin thuyết trình trước lớp  | 112    | 1,00             | 5,00             | 3,79           | 0,97               |
| 12. Tôi không tự tin trả lời khi giáo viên hỏi tôi một câu hỏi bằng tiếng Anh          | 112    | 1,00             | 5,00             | 3,71           | 0,91               |
| 14. Tôi không tự tin nói tiếng Anh khi biết các bạn cùng lớp nói tiếng Anh tốt hơn tôi | 112    | 1,00             | 5,00             | 3,73           | 1,01               |
| 18. Tôi rất ngại khi nghe người khác chỉ ra và nhận xét điểm yếu của mình              | 112    | 1,00             | 5,00             | 3,65           | 1,08               |

So sánh giá trị trung bình của bốn yếu tố liên quan đến ‘Tự tin trong giao tiếp tiếng Anh’, kết quả cho thấy, giá trị trung bình của bốn biến được quan sát khác biệt có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,05$ ). Như vậy, có thể hiểu rằng việc không tự tin trình bày ý tưởng trước lớp là yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đóng góp vào mức độ trung bình của sự sẵn sàng giao tiếp của người học

( $M=3,79$ ). Yếu tố có ảnh hưởng lớn thứ hai là sinh viên nghĩ rằng bạn bè của họ có kỹ năng nói tiếng Anh giỏi hơn họ ( $M=3,73$ ). Điều này phần nào giải thích tại sao mức độ sẵn sàng giao tiếp của họ chỉ ở mức trung bình. Hai yếu tố ảnh hưởng còn lại là chưa tự tin trả lời câu hỏi của giáo viên ( $M=3,71$ ) và ngại nghe người khác nhận xét và tìm ra điểm yếu của mình ( $M=3,65$ ).

**Bảng 6. Nhận thức của sinh viên không chuyên ngữ về yếu tố “lo lắng trong việc học ngoại ngữ”**

|   | Cỡ mẫu | Giá trị nhỏ nhất | Giá trị lớn nhất | Trung bình (M) | Độ lệch chuẩn (SD) |
|---|--------|------------------|------------------|----------------|--------------------|
| 13. Tôi lo lắng rằng các học sinh khác sẽ cười nhạo tôi khi tôi nói tiếng Anh | 112    | 1,00             | 5,00             | 3,82           | 1,20               |
| 19. Tôi sợ mọi người thấy tôi mắc lỗi khi tôi nói tiếng Anh                   | 112    | 1,00             | 5,00             | 3,61           | 1,15               |
| 20. Tôi sợ bị chế giễu và đánh giá tiêu cực khi tôi nói tiếng Anh             | 112    | 1,00             | 5,00             | 3,71           | 1,19               |

Kiểm tra sự khác biệt giữa giá trị trung bình đối với các yếu tố 'Lo lắng trong việc học ngoại ngữ', kết quả cho thấy, sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê. Có thể suy ra rằng việc sợ bị

người khác chê cười, sợ bị đánh giá tiêu cực, sợ mắc lỗi khi nói sẽ góp phần đáng kể vào mức độ sẵn sàng giao tiếp của sinh viên không chuyên tiếng Anh trong các lớp học tiếng Anh.



3.2.2 Nhận thức của sinh viên không chuyên tiếng Anh về “Các yếu tố ngữ cảnh”

'Các yếu tố ngữ cảnh' được trình bày trong Bảng 7, 8 và 9.

Kết quả kiểm tra giá trị trung bình về nhận thức của sinh viên về các biến cụ thể trong nhóm

**Bảng 7. Nhận thức của sinh viên không chuyên ngữ về các yếu tố cụ thể liên quan đến tác động của “loại nhiệm vụ” lên sự sẵn sàng giao tiếp của họ trong các lớp học tiếng Anh**

|   | Cỡ mẫu | Giá trị nhỏ nhất | Giá trị lớn nhất | Trung bình (M) | Độ lệch chuẩn (SD) |
|---|--------|------------------|------------------|----------------|--------------------|
| 17. Tôi không biết cách thể hiện cảm xúc bằng lời nói hoặc nét mặt với những vấn đề trong một nhiệm vụ mà tôi thấy khó khăn | 112    | 1,00             | 5,00             | 3,69           | 1,17               |
| 21. Tôi bối rối khi phải đối mặt với một nhiệm vụ mà tôi không có hoặc có ít kinh nghiệm                                    | 112    | 1,00             | 5,00             | 3,81           | 0,95               |
| 25. Tôi không hào hứng phát biểu khi tham gia vào một công việc mà tôi không hứng thú                                       | 112    | 1,00             | 5,00             | 3,79           | 0,95               |

Kết quả kiểm tra sự khác biệt giữa giá trị trung bình của các biến quan sát cho thấy không có ý nghĩa thống kê. Điều này có thể được hiểu là sự sẵn sàng giao tiếp của sinh viên không

chuyên tiếng Anh bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi “loại nhiệm vụ” khó, và họ không cảm thấy hứng thú hoặc không quen thuộc với họ.

**Bảng 8. Nhận thức của sinh viên không chuyên ngữ về các yếu tố cụ thể liên quan đến tác động của “chủ đề thảo luận” lên sự sẵn sàng giao tiếp của họ trong các lớp học tiếng Anh**

|  | Cỡ mẫu | Giá trị nhỏ nhất | Giá trị lớn nhất | Trung bình (M) | Độ lệch chuẩn (SD) |
|--|--------|------------------|------------------|----------------|--------------------|
| 15. Tôi không biết phải nói gì khi giao tiếp bằng tiếng Anh về một chủ đề không quen thuộc | 112    | 1,00             | 5,00             | 3,79           | 0,97               |
| 22. Tôi không hứng thú trò chuyện bằng tiếng Anh về một chủ đề không quen thuộc            | 112    | 1,00             | 5,00             | 3,71           | 0,91               |
| 23. Tôi không thường xuyên tiếp xúc với những chủ đề không quen thuộc                      | 112    | 1,00             | 5,00             | 3,73           | 1,01               |
| 24. Tôi không tích cực thảo luận và tìm hiểu những chủ đề mà tôi thấy khó                  | 112    | 1,00             | 5,00             | 3,65           | 1,08               |

Kết quả kiểm tra ảnh hưởng của bốn biến được quan sát liên quan đến Chủ đề thảo luận cho thấy sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê, ngoại trừ giá trị trung bình của biến 15 và biến 24 ( $t=3,23$ ,  $df=111$ ,  $p=0,002$ ). Có thể kết luận rằng hầu hết tất cả các yếu tố liên quan đến Chủ đề thảo luận đều có mức độ ảnh hưởng

tương tự đến sự sẵn sàng giao tiếp của sinh viên không chuyên ngữ trong các lớp học tiếng Anh. Tuy nhiên, so với các chủ đề khó, các chủ đề thảo luận không quen thuộc cho thấy có tác động mạnh mẽ hơn đến mức độ sẵn sàng phát biểu của người học trong lớp.

**Bảng 9. Nhận thức của sinh viên không chuyên ngữ về các yếu tố cụ thể liên quan đến tác động của người đối thoại lên sự sẵn sàng giao tiếp của họ trong các lớp học tiếng Anh**

|   | Cỡ mẫu | Giá trị nhỏ nhất | Giá trị lớn nhất | Trung bình (M) | Độ lệch chuẩn (SD) |
|---|--------|------------------|------------------|----------------|--------------------|
| 16. Tôi không biết cách duy trì cuộc trò chuyện với một người bạn mới | 112    | 1,00             | 5,00             | 3,80           | 1,03               |
| 26. Tôi bối rối khi mắc lỗi trước mặt người khác giới                 | 112    | 1,00             | 5,00             | 3,80           | 1,09               |
| 27. Tôi cảm thấy không thoải mái khi giao tiếp với người khác giới    | 112    | 1,00             | 5,00             | 3,63           | 1,15               |

Kết quả so sánh giá trị trung bình của nhận thức của người tham gia về ba biến được quan sát trong nhóm ‘Người đối thoại’ cho thấy sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê về tác động của các yếu tố này lên sự sẵn sàng giao tiếp của người tham gia trong các lớp học tiếng Anh. Có thể kết luận rằng sự sẵn sàng giao tiếp của sinh viên không chuyên ngữ trong lớp học tiếng Anh cũng bị ảnh hưởng bởi sự quen thuộc với người đối thoại và giới tính. Điều này có nghĩa là việc tương tác với những người bạn mới và những người khác giới sẽ ảnh hưởng đến sự sẵn sàng giao tiếp của sinh viên trong lớp học.

#### 4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

Việc tạo ra một môi trường học tập mà trong đó người học được hỗ trợ để sẵn sàng giao tiếp là một mục tiêu chính đáng của quá trình đào tạo ngoại ngữ. Dựa trên kết quả của nghiên cứu này, những người tham gia cho biết họ không

tích cực trong giao tiếp nên mức độ sẵn sàng giao tiếp trong các lớp học tiếng Anh của họ không cao mà chỉ ở mức trung bình. Cũng được tìm thấy trong nghiên cứu này, mức độ sẵn sàng giao tiếp của sinh viên không chuyên ngữ bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi các yếu tố khác nhau và được phân loại là đặc điểm cá nhân và các yếu tố ngữ cảnh. Ngoài ảnh hưởng của tự tin trong giao tiếp tiếng Anh và sự lo lắng trong khi học ngoại ngữ, sự sẵn sàng tham gia giao tiếp của người học còn bị ảnh hưởng bởi chủ đề thảo luận, loại nhiệm vụ và người đối thoại, dẫn đến sự sẵn sàng giao tiếp của sinh viên không chuyên tiếng Anh chỉ đạt mức trung bình. Tất cả các yếu tố ngữ cảnh có thể ảnh hưởng đến sự sẵn sàng giao tiếp của người học nên được xem xét trong lớp học tiếng Anh, và lớp học phải được coi là môi trường tối ưu để người học tham gia phát biểu ngay cả khi họ có trình độ giao tiếp

không được tốt. Bởi vì sự sẵn sàng giao tiếp làm tăng khả năng giao tiếp thường xuyên của sinh viên, việc hỗ trợ sự sẵn sàng giao tiếp sẽ có tác động tích cực lên việc học ngôn ngữ của sinh viên, vì điều này sẽ tạo ra nhiều cơ hội cho họ tham gia giao tiếp và học hỏi nhiều hơn. Điều quan trọng là cần khuyến khích sinh viên nắm bắt cơ hội và tương tác thông qua lời nói. Các yếu tố cơ bản để tạo nên bầu không khí học tập tích cực trong lớp học mà ở đó việc mắc lỗi được xem như là cơ hội để phát triển bao gồm sự hỗ trợ về cảm xúc, sự động viên và những góp ý tích cực. Người học phải chấp nhận rằng

mắc lỗi là một phần bình thường trong quá trình học một ngôn ngữ và không nên sợ mắc lỗi. Giảng viên nên khuyến khích người học tham gia vào các hoạt động mà trong đó yêu cầu sự sẵn sàng giao tiếp của người học. Để người học có thể thoải mái với chủ đề thảo luận, trước tiên họ phải có thông tin cơ bản về chủ đề đó. Giảng viên nên hiểu rõ sinh viên của mình để lựa chọn các chủ đề mà họ quan tâm và tổ chức các nhóm thảo luận xoay quanh những chủ đề đó. Người học sẽ có xu hướng phát biểu và đóng góp ý kiến nhiều hơn nếu họ có hứng thú và có kiến thức về chủ đề được thảo luận.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Andreou, E., Vlachos, F., & Andreou, G. (2006). Approaches to studying among Greek university students: The impact of gender, age, academic discipline and handedness. *Educational Research*, 48(3), 301–311.
- [2] Baghaei, P., Dourakhshan, A., & Salavati, O. (2012). The relationship between willingness to communicate and success in learning English as a foreign language. *MJAL*, 4(2), 53-67.
- [3] Brown, D. H. (2007). *Principles of language learning and teaching*. Pearson Educations.
- [4] Bukhari, S. F., Cheng, X., & Khan, S. A. (2015). Willingness to Communicate in English as a Second Language: A Case Study of Pakistani Undergraduates. *Journal of Education and Practice*, 6(29), 39-44.
- [5] Clément, R., Baker, S. C., & MacIntyre, P. D. (2003). Willingness to communicate in a second language: The effects of context, norms, and vitality. *Journal of Language and Social Psychology*, 22(2), 190-209.
- [6] Eyisi, D. (2016). The usefulness of qualitative and quantitative approaches and methods in researching problem-solving ability in science education curriculum. *Journal of Education and Practice*, 7(15), 91-100.
- [7] Jamshidnejad, A. (2010). The construction of oral problems in an EFL context. *Studies in Literature and Language*, 1(6), 8–22.
- [8] Kang, S. J. (2005). Dynamic emergence of situational willingness to communicate in a second language. *System*, 33(2), 277-292.
- [9] Larsen-Freeman, D. (2000). *Techniques and principles in language teaching*. Oxford University.
- [10] MacIntyre, P. D. (1994). Variables underlying willingness to communicate: A causal analysis. *Communication Research Reports*, 11(2), 135-142.
- [11] MacIntyre, P. D., & Charos, C. (1996). Personality, attitudes, and affect as predictors of second language communication. *Journal of Language and Social Psychology*, 15(1), 3-26.

- [12] MacIntyre, P. D., Baker, S. C., Clément, R., & Conrod, S. (2001). Willingness to communicate, social support, and language-learning orientations of immersion students. *Studies in Second Language Acquisition*, 23(3), 369-388.
- [13] MacIntyre, P. D., Clément, R., Dörnyei, Z., & Noels, K. A. (1998). Conceptualizing willingness to communicate in a L2: A situational model of L2 confidence and affiliation. *The Modern Language Journal*, 82(4), 545-562.
- [14] MacIntyre, P. D., Noels, K. A., & Clément, R. (1997). Biases in self-ratings of second language proficiency: The role of language anxiety. *Language Learning*, 47(2), 265-287.
- [15] McCroskey, J. C. (1997). Willingness to communicate, communication apprehension, and self-perceived communication competence: Conceptualizations and Perspectives. In J. A. Daly, et al., *Avoiding communication: Shyness, Reticence, & Communication Apprehension*, pp. 75-108. Cresskill, NJ: Hampton Press.
- [16] Morris, F. A., & Tarone, E. E. (2003). Retracted: Impact of classroom dynamics on the effectiveness of recasts in second language acquisition. *Language Learning*, 53(2), 325-368.
- [17] Oxford, R. (1990). *Language learning strategies: What every teachers should know*. New York: Harper Collins Publisher
- [18] Pattapong, K. (2010). *Willingness to communicate in a second language: A qualitative study of issues affecting Thai EFL learners from students' and teachers' point of view*. Doctoral dissertation. The University of Sydney, Australia.
- [19] Pica, T., Kanagy, R., & Falodun, J. (2009). Choosing and using communication tasks for second language instruction. *Task-based Language Teaching*, 171-192.
- [20] Richards, J., & Rodgers, T. (2002). Approaches and methods in language teaching. *Korea TESOL Journal*, 5(1), 161-165.
- [21] Steinberg, F. S., & Horwitz, E. K. (1986). The effect of induced anxiety on the denotative and interpretive content of second language speech. *TESOL Quarterly*, 20(1), 131-136.
- [22] Yashima, T. (2002). Willingness to communicate in a second language: The Japanese EFL context. *The Modern Language Journal*, 86(1), 54-66.